TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178**/2023/DS-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Ông Trần Công Danh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Viểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 743/2023/TLST - DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1450/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: đường N, phường B1, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Ngô Văn T2 – Chức vụ: Phó Giám đốc.

2. Ông Nguyễn Ngọc H – Chuyên viên QHKH cá nhân.

Địa chỉ liên hệ: khu phố 5B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2023.

- *Bị đơn:* Ông Mai Thiên T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Huấn có mặt; ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2021, ông Mai Thiên T có ký với Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng mở Thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 100.000.000đ, thời hạn sử dụng 60 tháng, lãi suất 29%/năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch bằng thẻ tín dụng.

Tháng 9/2022, ông T đóng tiền trễ hạn thẻ tín dụng, sau khi được Ngân hàng yêu cầu thì ông T đã thanh toán dư nợ tháng 9/2022.

Tháng 10/2022, ông T tiếp tục sử dụng gần hết hạn mức thẻ tín dụng, khi đến thời hạn thanh toán, ông T không trả nợ dù được nhắc nhở nhiều lần.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền còn thiếu tính đến ngày 27/9/2023 là **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn 51.516.264đ) và yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn ông Mai Thiên T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P, buộc bị đơn ông Mai Thiên T phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn

51.516.264đ) và yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Thiên T phải trả số tiền đã vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2211221084511263. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Mai Thiên T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P yêu cầu bị đơn ông Mai Thiên T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 27/9/2023 là **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn 51.516.264đ) và yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của ông Mai Thiên T, sao kê thẻ tín dụng, tờ trình cấp thẻ tín dụng, Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2211221084511263 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Mai Thiên T, tờ trình cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P đối với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Mai Thiên T, Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P, bảng tổng hợp sao kê tài khoản thẻ tín dụng của

ông Mai Thiên T, đủ cơ sở xác định: Ngày 21/12/2021, ông Mai Thiên T được Ngân hàng TMCP P cấp thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ, thời hạn sử dụng 60 tháng, lãi suất được áp dụng theo Biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng TMCP P quy định tùy từng thời điểm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng. Đến tháng 10/2022, ông T sử dụng thẻ tín dụng, nhưng khi đến thời hạn thanh toán thì ông T không thanh toán. Tính đến ngày 27/9/2023 ông T còn nợ Ngân hàng TMCP P số tiền **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn 51.516.264đ).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông T và được Công an phường Quang Vinh cung cấp thông tin: ông Mai Thiên T, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 287A/3, khu phố 2, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện ông T vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết đơn khởi kiện, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thông báo đề nghị ông T có ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T cũng không có ý kiến. Do vậy xem như ông T đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất.* Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.* Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tin dụng quy định: *Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật.*

Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2211221084511263 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Mai Thiên T, tờ trình cấp

thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P đối với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Mai Thiên T, Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P, các bên thỏa thuận: Ngân hàng TMCP P cấp cho ông Mai Thiên T thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000đ, lãi suất được áp dụng theo Biểu lãi suất thẻ tín dụng do Ngân hàng TMCP P quy định tùy từng thời điểm, thời hạn thanh toán thẻ tín dụng trong vòng 15 ngày kể từ ngày lập sao kê thẻ tín dụng (thời gian lập sao kê thẻ tín dụng vào ngày thứ 15 hàng tháng); đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ cuối kỳ trước ngày đến hạn thanh toán (trong vòng 15 ngày kể từ ngày lập sao kê thẻ tín dụng) sẽ được miễn toàn bộ số lãi đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ đó. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, từ tháng 10/2022 ông T đã sử dụng thẻ tín dụng nhưng khi đến thời hạn thanh toán, ông T không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng TMCP P. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo thỏa thuận của các bên. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Mai Thiên T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền còn thiếu tính đến ngày 27/9/2023 là **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn 51.516.264đ) và buộc ông T tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2211221084511263 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Mai Thiên T và Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P cho đến khi thanh toán xong.

[3] Về án phí: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Mai Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.949.923đ đồng (178.998.460đ x 5%). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn ông Mai Thiên T.

Buộc ông Mai Thiên T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền **178.998.460đ** (trong đó nợ gốc là 99.850.525đ, lãi 27.631.692đ, lãi quá hạn 51.516.264đ) và tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ còn lại kể từ ngày 28/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 2211221084511263 giữa Ngân hàng TMCP P và ông Mai Thiên T và Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P.

2. Về án phí:

- Ông Mai Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là là 8.949.923đ (tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm hai mươi ba đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 3.388.490 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 08197 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thanh Thủy